

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/DS-ST
Ngày: 08-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Kim Lý.
- Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Trụ sở chính: Số 266 - 268, N, phường V, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Vũ Bích T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thửa đất số 173, Tờ bản đồ số 26, Đại lộ B3, T1, khu phố B, thị trấn L, huyện B1, tỉnh B3; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2024); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: T2, K, phường T3, thành phố B2, tỉnh B3; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 04/01/2023, bà Hồ Thị L có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 01 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Hồ Thị L, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Hồ Thị L đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với số tiền 80.999.468 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Hồ Thị

L chỉ thanh toán cho ngân hàng số tiền 32.285.400 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Hồ Thị L vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 10/9/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/8/2024, bà Hồ Thị L còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 59.012.543 đồng. Nhận thấy, hành vi của bà Hồ Thị L đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B2 giải quyết như sau:

- Buộc bà Hồ Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tính đến ngày 08/8/2024 là 59.012.543 đồng, trong đó:

Tiền nợ gốc: 43.546.304 đồng.

Tiền lãi trong hạn: 10.310.762 đồng.

Tiền lãi quá hạn: 5.155.477 đồng.

- Buộc bà Hồ Thị L phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày 08/8/2024 cho đến khi bà L trả hết nợ cho ngân hàng theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn (bà Hồ Thị L) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp chứng cứ, tài liệu cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B2, tỉnh B3 phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Về nội dung vụ án: Bị đơn đã vi phạm thỏa thuận đã giao kết. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đã ký kết và tại thời điểm ký kết hợp đồng, bị đơn có địa chỉ tại Tổ 1, Khu phố 1, phường T, thành phố B2, tỉnh B3 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B2, tỉnh B3 theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về chứng cứ: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã cung cấp đủ các tài liệu, chứng cứ và không bổ sung, yêu cầu thu thập thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Ngày 04/01/2023, bà Hồ Thị L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ký 01 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Hồ Thị L đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với số tiền 80.999.468 đồng. Xét giao dịch được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên các điều khoản trong hợp đồng có hiệu lực pháp luật, là cơ sở phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Bà Hồ Thị L vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán đủ tiền gốc, tiền lãi theo đúng thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Hồ Thị L chỉ thanh toán cho ngân hàng số tiền 32.285.400 đồng.

[4.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thị L không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Hồ Thị L là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

[4.3] Tính đến ngày 08/8/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), bà Hồ Thị L còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 59.012.543 đồng, trong đó:

Tiền nợ gốc: 43.546.304 đồng.

Tiền lãi trong hạn: 10.310.762 đồng.

Tiền lãi quá hạn: 5.155.477 đồng.

[4.4] Tiền lãi kể từ ngày 09/8/2024 được tính theo lãi suất thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân cho đến khi bà Hồ Thị L trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B2, tỉnh B3 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 293 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Hồ Thị L về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Buộc bà Hồ Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tính đến ngày 08/8/2024 là 59.012.543 đồng (năm mươi chín triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng), trong đó:

- Tiền nợ gốc: 43.546.304 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bốn đồng).

- Tiền lãi trong hạn: 10.310.762 đồng (mười triệu ba trăm mười nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

- Tiền lãi quá hạn: 5.155.477 đồng (năm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng).

1.2. Kể từ ngày 09/8/2024, bà Hồ Thị L còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận tại điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân cho đến khi bà Hồ Thị L trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu và được nhận lại số tiền 1.217.852 đồng (một triệu hai trăm mười bảy nghìn tám trăm năm mươi hai đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000746 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) B2, tỉnh B3.

Buộc bà Hồ Thị L phải nộp số tiền 2.950.627 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Cát;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính